

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 01 - 3 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hiên.

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nợ chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/02/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Hồng N**, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký thường trú: Khóm 6, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Tạ Bửu L**, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Khóm 6, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trương Thị G**, sinh năm 1963.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Khóm 6, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tất cả các đương sự đều có đơn và yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2021 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2004 chị N và anh L tự nguyện sống chung với nhau,

hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Thời kỳ chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Tạ Như Y, sinh 10/02/2005, Tạ Bửu T, sinh 25/6/2007, Tạ Như Q, sinh 03/10/2011. Về tài sản chung không có. Nợ chung vợ chồng có nợ bà Trương Thị G (mẹ ruột của chị N) số tiền 28.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, đời sống hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân 02 năm nay nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại, chị N xác định hiện nay không còn tình cảm với anh L.

Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh L. Về con chung yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Anh L thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị N về hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng sự thật.

Nay anh L đồng ý ly hôn với chị N. Đồng ý giao 03 con chung cho chị N nuôi dạy, anh L không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tại hồ sơ, thể hiện: Bà Giữ là mẹ ruột của Đinh Thị Hồng N, là mẹ vợ của Tạ Bửu L. Quá trình chị N và anh L chung sống với nhau thì bà Giữ có cho vợ chồng chị N và anh L mượn số tiền 28.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k. Khoản nợ này hiện nay vợ chồng chị N và anh L chưa trả cho bà Giữ. Nay giữa chị N và anh L khởi kiện ly hôn đến Tòa án, bà Giữ không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết khoản nợ này mà để bà Giữ và vợ chồng chị N, anh L tự thỏa thuận, sau này nếu không thỏa thuận được và có tranh chấp thì khởi kiện sau.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Hồng N, không công nhận chị Đinh Thị Hồng N và anh Tạ Bửu L là vợ chồng. Về con chung giao cho chị N trực tiếp nuôi dạy Tạ Như Y, sinh 10/02/2005, Tạ Bửu T, sinh 25/6/2007, Tạ Như Q, sinh 03/10/2011. Anh L không phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết trong vụ án này. Về án phí chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nợ chung và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nợ chung*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh L tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng chị N và anh L không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị N và anh L là vợ chồng là phù hợp.

[3.2] *Về con chung:*

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy các con chung giữa chị N và anh L đã từ đủ 07 tuổi trở lên và sau khi ghi nhận ý kiến thì các cháu có nguyện vọng được sống với chị N, đồng thời chị N không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dạy con, do đó cần giao các con chung cho chị N trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị N; nếu anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị N, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh L không phải cấp dưỡng cho con.

[3.3] *Về tài sản chung:* Chị N và anh L không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên không xem xét.

[3.4] *Về nợ chung:* Chị N và anh L xác định vợ chồng có nợ bà G số tiền 28.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k. Xét thấy qua làm việc với bà G thì bà G không có yêu cầu độc lập trong vụ án và chị N, anh L cũng không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên không có căn cứ để xem xét, do đó tách ra khi nào giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Hồng N.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Đinh Thị Hồng N và anh Tạ Bửu L là vợ chồng.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho chị N trực tiếp nuôi dạy Tạ Như Y, sinh 10/02/2005, Tạ Bửu T, sinh 25/6/2007, Tạ Như Q, sinh 03/10/2011. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị N; nếu anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh L không phải cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị N đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004372 ngày 10/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- **UBND thị trấn S;**
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải